TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀI ĐỨC** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST;
Ngày 24/9/2019;
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Thành Tr.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn X L.
2. Bà Nguyễn Thị X H.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị L - Thư ký Toà án nhân dân huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HĐ, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích D - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện HĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 338/2019/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hôn nhân gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19/9/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh X, sinh năm 1988; ĐKHKTT: Thôn L Xá, xã ĐG, huyện HĐ, thành phố Hà Nội; Chỗ ở: Thôn ĐK, xã ĐP, huyện ĐP, thành phố Hà Nội.

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh Nguyễn X M, sinh năm 1987; ĐKHKTT: Thôn L Xá, xã ĐG, huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

(Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là Trần Thị Thanh X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn X M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/10/2013 tại UBND xã ĐG, huyện HĐ, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mẫu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không hợp nhau, không cùng quan điểm sống. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ ngày 07/5/2109 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai.

Nay chị xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn được nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Nguyễn X Nam Kh, sinh ngày 29/7/2014. Khi ly hôn chị xin được nuôi con chung và yêu cầu anh M phải cấp dưỡng 3.000.000đ/ 01 tháng (Ba triệu đồng/01 tháng).

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn là anh Nguyễn X M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và Trần Thị Thanh X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/10/2013 tại UBND xã ĐG, huyện HĐ, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hạnh phúc với nhau. Nhưng thời gian gần đây vợ chồng có xảy ra một chút mâu thuẫn nhỏ và chị X đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở.

Nay chị X xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng anh đoàn tụ. Nếu chị X vẫn kiên quyết xin ly hôn thì anh sẽ đồng ý ly hôn với chị X.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn X Nam Kh, sinh ngày 29/7/2014, hiện nay anh là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Khi ly hôn anh xin nuôi con chung và không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HĐ phát biểu ý kiến:

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

* Ý kiến giải quyết vụ án:

Quá trình điều tra thu thập chứng cứ đã chứng minh được mâu thuẫn giữa chị X và anh M tới mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xét cho chị X được ly hôn anh M là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn X Nam Kh, sinh ngày 29/7/2014 cho chị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh M cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Chị X và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là *"Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn và hiện đang cư trú tại xã ĐG, huyện HĐ, thành phố Hà Nội. Căn cứ Điều 28 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện HĐ, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh X và anh Nguyễn X M kết hôn ngày 19/10/2013 tại UBND xã ĐG, huyện HĐ, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng thì: *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác*. Như vậy hiện tại chị X và anh M đã sống ly thân và đều không thực hiện đúng nghĩa vụ vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị X và anh M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét cho chị X được ly hôn anh M là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Chị Trần Thị Thanh X và chị Nguyễn X M có 01 con chung là cháu Nguyễn X Nam Kh, sinh ngày 29/7/2014. Khi ly hôn cả chị X và anh M đều có nguyện vọng xin được nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị X và anh M chỉ có 01 con chung, nguyện vọng được nuôi con của chị X và anh M là chính đáng. Chị X và anh M đều có công việc và thu nhập ổn định. Tuy nhiên hiện nay cháu Nguyễn X Nam Kh đang do anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và có cuộc sống ổn định cùng anh M. Nên xét không cần thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung để đảm bảo sự phát triển bình thường, tránh xáo trộn tâm lý không cần thiết cho cháu. Do đó, cần tiếp tục giao cháu Nguyễn X Nam Kh, sinh ngày 29/7/2014 cho anh Nguyễn X M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn X M không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị Trần Thị Thanh X và chị Nguyễn X M không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Trần Thị Thanh X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 28, 35 và Điều 40; Khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội Khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh X. Chị Trần Thị Thanh X được ly hôn anh Nguyễn X M.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn X Nam Kh, sinh ngày 29/7/2014 cho anh Nguyễn X M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.

Chị Trần Thị Thanh X được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận anh Nguyễn X M không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng nuôi con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị X tự nguyện thực hiện.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận chị Trần Thị Thanh X, anh Nguyễn X M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Thanh X phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0009104 ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Chị X đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: *Căn cứ Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;*

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- UBND xã nơi đương sự cư trú
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thành Tr